

# TÁC ĐỘNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TẠO SINH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DẠY, HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ: NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH TỪ GÓC NHÌN NGƯỜI HỌC VÀ NGƯỜI DẠY

Nguyễn Phúc Quân<sup>1\*</sup>, Đặng Thị Thanh Xuân<sup>1</sup>

\*Tác giả liên hệ, Email: quannp@donga.edu.vn. ORCID: 0000-0002-2531-5573

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/06/2026

Ngày phản biện đánh giá: 22/06/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/09/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1428

**Tóm tắt:** Sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo tạo sinh (Generative AI) đang tạo ra những thay đổi sâu sắc trong giáo dục. Nghiên cứu định tính này khám phá nhận thức và trải nghiệm của người học và người dạy thông qua phỏng vấn bán cấu trúc với 27 người tham gia. Kết quả cho thấy trí tuệ nhân tạo (AI) đã được sử dụng rộng rãi nhưng mức độ hiểu biết còn hạn chế, dẫn đến tình trạng lạm dụng và hình thức hóa. Nghiên cứu chỉ ra mâu thuẫn giữa kỳ vọng và hiệu quả thực tiễn, sự gia tăng áp lực nghề nghiệp đối với giáo viên, nguy cơ phụ thuộc công nghệ của người học, cùng hiện tượng “AI hóa” giáo dục. Những phát hiện nhấn mạnh nhu cầu chuyển từ phổ cập công cụ sang phát triển năng lực sử dụng AI có trách nhiệm, đồng thời tái cấu trúc hoạt động dạy học và đánh giá theo hướng chú trọng năng lực, quá trình và tính xác thực.

**Từ khóa:** trí tuệ nhân tạo tạo sinh, giáo dục, kiểm tra đánh giá, người học, người dạy, chuyển đổi số

## I. Đặt vấn đề

Sự xuất hiện của trí tuệ nhân tạo tạo sinh đã tạo ra một trong những thay đổi lớn nhất đối với giáo dục kể từ khi Internet được phổ biến rộng rãi. Các công cụ như ChatGPT, Gemini, Claude hay Copilot cho phép người dùng tạo văn bản, hình ảnh, video, mã nguồn và nhiều loại nội dung khác chỉ thông qua các câu lệnh ngôn ngữ tự nhiên (Abulibdeh và cộng sự, 2024; Ahmad và cộng sự, 2022; Kamalov

và cộng sự, 2023; Mao và cộng sự, 2024). Khả năng này đã nhanh chóng đưa AI từ một công nghệ chuyên biệt trở thành một công cụ phổ biến trong hoạt động học tập và giảng dạy.

Các nghiên cứu quốc tế ban đầu chủ yếu tập trung vào tiềm năng của AI trong việc hỗ trợ cá nhân hóa học tập, nâng cao hiệu quả giảng dạy và phát triển năng lực tự học của người học (Ahmad và cộng sự, 2022). AI được xem là một công cụ

<sup>1</sup> Trường Đại học Đông Á, Đà Nẵng, Việt Nam

có khả năng cung cấp phản hồi tức thời, hỗ trợ giải thích kiến thức, xây dựng học liệu và mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục (Ahmad và cộng sự, 2022; Mao và cộng sự, 2024; Lê và cộng sự, 2026). Tuy nhiên, cùng với sự phổ biến nhanh chóng của AI tạo sinh, nhiều nghiên cứu gần đây bắt đầu tập trung vào các tác động tiêu cực như gian lận học thuật, phụ thuộc công nghệ, suy giảm năng lực tư duy phản biện và những thách thức đối với hoạt động kiểm tra, đánh giá (Abulibdeh và cộng sự, 2024; Kamalov và cộng sự, 2023; Mao và cộng sự, 2024; Đặng và cộng sự, 2025).

Một xu hướng đáng chú ý trong các nghiên cứu gần đây là sự dịch chuyển từ câu hỏi “có nên sử dụng AI hay không?” sang câu hỏi “sử dụng AI như thế nào một cách hiệu quả và có trách nhiệm?” (Li và Gu, 2023). Nhiều học giả cho rằng AI đang trở thành một thành tố mới của hệ sinh thái giáo dục và việc cấm hoàn toàn AI là không khả thi (McGrath và cộng sự, 2023; Zhu và cộng sự, 2025). Thay vào đó, các cơ sở giáo dục cần xây dựng những mô hình dạy học và đánh giá mới có khả năng thích ứng với môi trường học tập có sự hiện diện của AI.

Bên cạnh các nghiên cứu về lợi ích và rủi ro của AI tạo sinh, nhiều công trình gần đây ghi nhận xu hướng các cơ sở giáo dục thúc đẩy ứng dụng AI với tốc độ nhanh để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Tuy nhiên, việc triển khai thường vượt quá khả năng thích ứng của giáo viên và người học, dẫn đến tình trạng sử dụng hình thức và chạy theo xu hướng. Các nghiên cứu về nhận thức và trải nghiệm thực tế của người dạy - người học vẫn còn hạn chế, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển.

Tại Việt Nam, các thảo luận ban đầu chủ yếu tập trung vào ứng dụng công nghệ hoặc rủi ro đạo văn, gian lận học thuật. Trong khi đó, các tác động rộng hơn đến hoạt động dạy học, áp lực nghề nghiệp của giáo viên, hành vi học tập của học sinh và sự thay đổi trong hệ thống kiểm tra, đánh giá còn chưa được khám phá một cách hệ thống. Khoảng trống nghiên cứu này tạo động lực cho nghiên cứu hiện tại.

Nghiên cứu này nhằm tổng hợp và phân tích cơ sở lý thuyết về mô hình chấp nhận công nghệ, lý thuyết khuếch tán đổi mới và lý thuyết kiểm tra đánh giá trong giáo dục; phân tích thực trạng sử dụng AI tạo sinh, tác động của AI đến hoạt động dạy, học và kiểm tra đánh giá trong giáo dục từ góc nhìn của người học và người dạy; từ đó làm rõ các thách thức trong bối cảnh mới và đề xuất một số khuyến nghị đối với người học, người dạy và các cấp quản lý.

## **II. Cơ sở lý thuyết**

### ***2.1. Mô hình chấp nhận công nghệ***

Quyết định sử dụng một công nghệ mới chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi hai yếu tố là nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng (Davis và cộng sự, 2024). Trong nghiên cứu này, mô hình Technology acceptance model (TAM) được sử dụng để lý giải lý do AI tạo sinh được giáo viên và học sinh tiếp nhận nhanh chóng trong môi trường giáo dục (Kong và cộng sự, 2024; Xue và cộng sự, 2026). Đồng thời, mô hình này cũng giúp phân tích những khác biệt giữa việc sử dụng AI xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và việc sử dụng AI do áp lực từ môi trường tổ chức.

### ***2.2. Lý thuyết khuếch tán đổi mới***

Một đổi mới công nghệ sẽ lan rộng trong xã hội thông qua quá trình tiếp nhận

của các nhóm người dùng khác nhau (Rogers, 2019). Lý thuyết này được sử dụng để giải thích hiện tượng AI được triển khai nhanh chóng trong giáo dục, đồng thời phân tích khoảng cách giữa chủ trương ứng dụng AI và khả năng thích ứng thực tế của giáo viên, học sinh và các cơ sở giáo dục (Gutiérrez-Leefmans và cộng sự, 2026; Uzumcu và Acilmis, 2024). Từ góc độ này, những khó khăn và áp lực xuất hiện trong dữ liệu nghiên cứu có thể được xem là hệ quả của quá trình khuếch tán công nghệ diễn ra nhanh hơn khả năng thích nghi của hệ thống giáo dục.

### 2.3. Lý thuyết kiểm tra đánh giá trong giáo dục

Kiểm tra đánh giá trong giáo dục được phân loại theo nhiều cách tiếp cận, trong đó phổ biến nhất là phân biệt giữa đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Đánh giá quá trình nhằm cung cấp thông tin phản hồi để điều chỉnh hoạt động dạy và học trong suốt quá trình, trong khi đánh giá tổng kết nhằm xác nhận mức độ đạt được mục tiêu học tập sau một giai đoạn

(Black và Wiliam, 1998; Scriven, 1967). Bên cạnh đó, đánh giá xác thực nhấn mạnh việc người học thực hiện các nhiệm vụ gần với bối cảnh thực tế, thể hiện năng lực áp dụng kiến thức và kỹ năng một cách có ý nghĩa (Wiggins, 1990; Mueller, 2005). AI tạo sinh làm gia tăng thách thức đối với đánh giá truyền thống về tính xác thực và năng lực người học, đòi hỏi chuyển từ đánh giá sản phẩm sang đánh giá quá trình, năng lực và tính xác thực.

### III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên các lý thuyết về chấp nhận công nghệ, khuếch tán đổi mới và kiểm tra đánh giá, sử dụng phương pháp định tính với phỏng vấn bán cấu trúc 27 học sinh, sinh viên, giáo viên và giảng viên có trải nghiệm sử dụng AI tạo sinh. Nội dung phỏng vấn tập trung vào mức độ, mục đích sử dụng AI, ứng dụng trong học tập và kiểm tra, trung thực học thuật và tác động đến hoạt động đánh giá. Dữ liệu được mã hóa và phân tích chủ đề nhằm xác định các thách thức và định hướng đổi mới đánh giá.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng phỏng vấn (n=27)

| Đặc điểm               | Số lượng | Tỉ lệ (%) | Đặc điểm                    | Số lượng | Tỉ lệ (%) |
|------------------------|----------|-----------|-----------------------------|----------|-----------|
| <b>1. Giới tính</b>    |          |           | <b>3. Đối tượng</b>         |          |           |
| - Nam                  | 12       | 44,4      | - Sinh viên                 | 9        | 33,3      |
| - Nữ                   | 15       | 55,6      | - Giáo viên (các cấp)       | 8        | 29,6      |
| <b>2. Độ tuổi</b>      |          |           | - Giảng viên                | 6        | 22,2      |
| - Dưới 25 tuổi (Gen Z) | 14       | 51,9      | - Học sinh                  | 4        | 14,8      |
| - Từ 25 đến 30 tuổi    | 5        | 18,5      | <b>4. Địa bàn phỏng vấn</b> |          |           |
| - Từ 30 đến 40 tuổi    | 6        | 22,2      | - Đà Nẵng                   | 5        | 18,5      |
| - Trên 40 tuổi         | 2        | 7,4       | - Quảng Nam (cũ)            | 4        | 14,8      |
|                        |          |           | - Các tỉnh/thành khác       | 18       | 66,7      |

*Nguồn: từ phỏng vấn của tác giả*

### IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 4.1. Thực trạng nhận thức về sử dụng AI trong giáo dục

Kết quả phỏng vấn cho thấy AI tạo sinh đã nhanh chóng thâm nhập sâu rộng

vào môi trường giáo dục từ trung học cơ sở đến đại học. Không chỉ học sinh, sinh viên mà cả giáo viên và cán bộ quản lý đều sử dụng AI trong nhiều hoạt động như soạn bài giảng, thiết kế học liệu, tạo

hình ảnh, video, viết nội dung và hỗ trợ học tập, nghiên cứu. Nhiều người cho biết việc ứng dụng AI đã trở thành yêu cầu phổ biến trong nhà trường, thậm chí là tiêu chí đánh giá mức độ đổi mới và chuyển đổi số. Một sinh viên chia sẻ: “Thầy hiệu trưởng trường em rất cuồng AI, thầy dùng AI làm nguyên một quyển sách từ bìa đến nội dung, làm thơ, phổ nhạc rồi cho sinh viên tập hát”, phản ánh sự hiện diện mạnh mẽ của AI trong hoạt động giáo dục.

Tuy nhiên, bên cạnh sự phổ biến nhanh chóng, mức độ hiểu biết của người sử dụng vẫn còn hạn chế. Nhiều người đã tham gia các khóa tập huấn nhưng chưa nắm rõ nguyên lý hoạt động, lợi ích, giới hạn và rủi ro của công nghệ. Một người tham gia cho biết: “Minh có tham gia nhiều khóa học AI miễn phí lẫn tính phí nhưng vẫn chưa hiểu hết lợi ích của nó”. Hầu hết các chương trình tập huấn lại tập trung chủ yếu vào kỹ năng sử dụng công cụ và viết prompt, trong khi ít chú trọng đến tư duy phản biện, kiểm chứng thông tin và nhận diện sai sót của AI.

Đối với người dạy, nhận thức về AI thường gắn liền với yêu cầu chuyển đổi số và áp lực hoàn thành chỉ tiêu. Nhiều giáo viên coi việc sử dụng AI như một nhiệm vụ bắt buộc hơn là công cụ hỗ trợ sư phạm. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra sự chênh lệch rõ rệt về năng lực sử dụng AI giữa các đối tượng. Một số học sinh, sinh viên biết khai thác AI hiệu quả để nâng cao chất lượng sản phẩm học tập, trong khi nhiều người khác sử dụng máy móc, dẫn đến sản phẩm thiếu chiều sâu và chất lượng thấp. Như một giáo viên nhận xét: “Sinh viên mình dạy có hai nhóm rõ rệt: nhóm dùng AI hiệu quả tạo ra sản phẩm tốt và nhóm dùng AI để tạo ra sản phẩm rất tồi bác”.

Đối với người học, AI được tiếp cận chủ yếu như công cụ hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ học tập (viết bài, tìm ý, giải thích kiến thức). Tuy nhiên, nhận thức về giới hạn và rủi ro của AI còn hạn chế, dẫn đến xu hướng chấp nhận kết quả một cách thụ động. Như vậy, dù AI đã trở thành công cụ quen thuộc trong giáo dục, sự phổ cập nhanh chóng này chưa đi kèm với sự phát triển tương xứng về năng lực số và nhận thức phản biện ở cả người dạy và người học. Do đó, cần chuyển hướng từ phổ cập công cụ sang phát triển năng lực sử dụng AI một cách hiểu biết, hiệu quả và có trách nhiệm.

Một chủ đề nổi bật khác là tình trạng lạm dụng và hình thức hóa AI trong hoạt động dạy học. Thay vì được sử dụng như công cụ hỗ trợ nâng cao hiệu quả sư phạm, AI thường trở thành yêu cầu bắt buộc hoặc tiêu chí hình thức trong chuyển đổi số. Giáo viên chịu áp lực lớn từ nhà trường và cơ quan quản lý phải tích hợp AI vào bài giảng và giáo án. Một giáo viên chia sẻ: “Mẹ tôi năm nay 50 tuổi, ngày nào cũng ngồi đến hơn 12 giờ đêm để tạo ảnh, video, bài giảng bằng AI”, đồng thời cho biết nhà trường thường xuyên kiểm tra việc sử dụng AI. Nhiều ý kiến khác phản ánh phải đăng ký tài khoản bản pro để tham gia tập huấn, nếu không sẽ bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ.

Không chỉ giáo viên, học sinh cũng bị yêu cầu sử dụng AI dù thấy không phù hợp. Một học sinh cho biết phải dùng AI thiết kế infographic thay vì Canva, nhưng sản phẩm thường gặp lỗi font chữ, khó chỉnh sửa và tốn nhiều thời gian hơn phương pháp truyền thống. Bên cạnh đó, AI thường bị đồng nhất với việc tạo hình ảnh, video hoặc nhân vật hoạt hình, trong

khi các ứng dụng thiết thực hơn như hỗ trợ nghiên cứu, phân tích dữ liệu hay cá nhân hóa học tập lại ít được chú trọng. Nhiều người tham gia nhận xét rằng việc ép sử dụng AI chủ yếu nhằm “có mác đổi mới”, tạo “bình phong thành tích” cho nhà trường.

Kết quả phỏng vấn còn cho thấy mâu thuẫn rõ nét giữa yêu cầu ứng dụng AI và hiệu quả sư phạm thực tế. Sản phẩm do AI tạo ra thường gặp lỗi kỹ thuật (sai font, hình ảnh méo mó, nội dung không phù hợp văn hóa), thiếu tính tự nhiên và cảm xúc. Một giáo viên tiểu học chia sẻ học sinh thường thích nghe giáo viên đọc mẫu hơn giọng AI vì “cứ nghe giọng AI là con ghét”. Như vậy, việc triển khai AI đang xuất hiện xu hướng lạm dụng và hình thức hóa rõ nét ở cả phía người dạy và người học, dẫn đến khoảng cách lớn giữa kỳ vọng và hiệu quả thực tiễn.

#### **4.2. Thách thức của việc sử dụng AI trong giáo dục**

Đối với người dạy, việc triển khai AI đang tạo ra những áp lực nghề nghiệp đáng kể. Áp lực này không chỉ xuất phát từ yêu cầu thích nghi nhanh với công nghệ mới mà còn từ các quy định, chỉ tiêu và kiểm tra liên quan đến tích hợp AI. Nhiều giáo viên phải dành rất nhiều thời gian ngoài giờ để tham gia tập huấn, học công cụ và thiết kế bài giảng có AI. Một giáo viên chia sẻ người thân của mình thường làm việc đến khuya để tạo ảnh, video và bài giảng AI nhằm đáp ứng yêu cầu nhà trường. Nhiều người khác cho biết mỗi tuần phải xây dựng bài giảng tích hợp AI từ viết prompt, kịch bản đến chỉnh sửa, dẫn đến tình trạng quá tải và mệt mỏi kéo dài.

Áp lực còn thể hiện rõ ở sự chênh lệch năng lực công nghệ. Với giáo viên

lớn tuổi, việc tiếp cận hàng loạt công cụ mới trong thời gian ngắn là thách thức lớn. Họ thường chưa được trang bị đầy đủ kiến thức nhưng vẫn phải đáp ứng yêu cầu, khiến chuyển đổi số trở thành gánh nặng thay vì hỗ trợ chuyên môn. Một vấn đề khác là chi phí. Nhiều công cụ AI yêu cầu phiên bản trả phí để sử dụng đầy đủ, nhưng giáo viên phải tự chi trả. Điều này tạo thêm áp lực tài chính, đặc biệt với mức thu nhập hiện tại của nghề giáo.

Đáng chú ý, nhiều giáo viên cho rằng áp lực lớn nhất đến từ cách thức quản lý. Việc đánh giá đổi mới thường dựa vào tần suất sử dụng AI thay vì hiệu quả thực tế, dẫn đến tình trạng giáo viên phải “cố đưa AI vào bài giảng” để hoàn thành chỉ tiêu thi đua, dù không thực sự cần thiết. Như vậy, quá trình ứng dụng AI đang tạo ra nhiều áp lực mới về thời gian, năng lực, chi phí và hành chính đối với giáo viên. Những áp lực này phản ánh khoảng cách giữa kỳ vọng chính sách và điều kiện thực tiễn tại nhà trường.

Đối với người học, một thách thức nổi bật là xu hướng phụ thuộc ngày càng lớn vào AI tạo sinh. Dù nhiều người thừa nhận AI hỗ trợ tốt trong tìm kiếm thông tin, giải thích kiến thức và hoàn thành nhiệm vụ, việc lạm dụng AI đang làm suy giảm vai trò chủ động của người học trong quá trình tiếp thu tri thức. Nhiều giáo viên phản ánh AI không hỗ trợ mà đang thay thế trực tiếp các nhiệm vụ học tập. Hiện tượng học sinh, sinh viên dùng AI viết bài luận, làm bài tập đã trở nên phổ biến. Một giáo viên lo lắng: “Sinh viên lạm dụng AI nộp bài Writing, chấm 10 bài thì 11 bài AI viết”. Điều này khiến giáo viên khó đánh giá chính xác năng lực thực sự của người học.

Không chỉ giáo viên, một số người học cũng tự nhận thức được tác động tiêu cực. Một sinh viên chia sẻ: “Minh lạm dụng AI quá nên bị thối não mất rồi. Viết câu gì cũng lủng củng, giờ quá phụ thuộc vào AI nên khả năng viết gần như không còn”. Bên cạnh kỹ năng viết, nhiều ý kiến lo ngại AI ảnh hưởng đến tư duy phản biện, sáng tạo và khả năng tự học. Các chương trình tập huấn hiện nay chủ yếu dạy cách dùng công cụ và viết prompt, nhưng ít chú trọng kiểm chứng thông tin và đánh giá độ tin cậy của kết quả AI. Điều này dễ khiến người học hình thành thói quen chấp nhận thông tin thụ động thay vì chủ động phân tích và phản biện.

Đặc biệt, lo ngại lớn hơn với học sinh các cấp thấp. Trong giai đoạn phát triển nhận thức ban đầu, giáo dục cần khuyến khích sự tò mò và tự khám phá. Việc tiếp xúc quá sớm và thường xuyên với AI có thể làm giảm động lực tự học, khiến người học phụ thuộc vào câu trả lời sẵn có thay vì tự xây dựng kiến thức qua trải nghiệm và suy luận. Tóm lại, thách thức về phụ thuộc AI không chỉ dừng ở gian lận học thuật mà còn liên quan đến những tác động lâu dài đến sự phát triển năng lực của người học. AI là công cụ hữu ích khi sử dụng hợp lý, nhưng có thể trở thành rào cản đối với tư duy độc lập nếu thay thế quá nhiều hoạt động nhận thức.

#### **4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu**

Kết quả nghiên cứu cho thấy AI tạo sinh đã nhanh chóng thâm nhập vào giáo dục Việt Nam, nhưng quá trình này đang chuyển dịch từ tích hợp công nghệ sang hiện tượng “AI hóa” giáo dục, trong đó AI trở thành yêu cầu bắt buộc và tiêu chí hình thức hơn là công cụ hỗ trợ sự phát triển thực tiễn. Từ góc nhìn mô hình chấp nhận

công nghệ (Davis và cộng sự, 2024), việc tiếp nhận AI nhanh chóng của người dạy và người học được thúc đẩy bởi nhận thức về tính hữu ích và dễ sử dụng (Kong và cộng sự, 2024; Xue và cộng sự, 2026); tuy nhiên, nhiều trường hợp sử dụng AI xuất phát từ áp lực tổ chức chứ không phải nhu cầu thực tiễn, dẫn đến lạm dụng và hình thức hóa. Lý thuyết khuếch tán đổi mới (Rogers, 2019) giúp giải thích hiện tượng lan tỏa nhanh chóng của AI, nhưng cũng chỉ ra khoảng cách lớn giữa chủ trương chính sách và khả năng thích ứng của người dạy, người học cũng như cơ sở giáo dục (Gutiérrez-Leefmans và cộng sự, 2026; Uzumcu và Acilmis, 2024), khiến quá trình khuếch tán vượt quá năng lực thích nghi và tạo ra áp lực nghề nghiệp đáng kể cho người dạy cùng nguy cơ phụ thuộc công nghệ ở người học.

Về phương diện kiểm tra đánh giá, các phát hiện của nghiên cứu phù hợp với nhận định rằng AI đang thách thức các hình thức đánh giá dựa trên sản phẩm truyền thống, đòi hỏi sự chuyển dịch sang đánh giá quá trình, năng lực và tính xác thực. Khi người học sử dụng AI để hoàn thành bài luận hoặc bài tập viết, tính xác thực của sản phẩm bị ảnh hưởng nghiêm trọng, khiến việc đo lường năng lực thực sự trở nên khó khăn. Điều này củng cố luận điểm về sự cần thiết của đánh giá xác thực và đánh giá vì học tập trong bối cảnh AI.

Những phát hiện này có sự tương đồng với các nghiên cứu quốc tế gần đây. Tại Trung Quốc, khảo sát 1.531 sinh viên đại học cho thấy áp lực học thuật là yếu tố dự báo mạnh mẽ cho sự phụ thuộc vào AI tạo sinh. Áp lực này thúc đẩy sinh viên sử dụng AI thường xuyên hơn và tăng ý định phụ thuộc, dẫn đến nguy cơ tư duy

phụ thuộc AI và suy giảm kỹ năng tự học. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng kiến thức về giới hạn của AI có thể làm giảm mức độ phụ thuộc (Zhang và Deng, 2026). Tại Zimbabwe, nghiên cứu cho thấy 32,7% sinh viên có mức độ phụ thuộc trung bình đến nghiêm trọng vào AI tạo sinh. Sinh viên phụ thuộc thường có điểm GPA thấp hơn 0,41 so với nhóm không phụ thuộc, với các biểu hiện như kiểm tra AI compulsive (nghiện sử dụng AI) (trung bình 18,3 lần/ngày), khó giảm sử dụng dù nhận thức được hậu quả tiêu cực (Revesai, 2025).

Tuy nhiên, nghiên cứu này bổ sung góc nhìn từ bối cảnh Việt Nam, nơi áp lực “AI hóa” xuất phát không chỉ từ người học mà còn từ hệ thống quản lý và chỉ tiêu chuyển đổi số ở cấp nhà trường. Khác với một số nghiên cứu quốc tế chủ yếu nhấn mạnh rủi ro đạo văn hoặc phụ thuộc từ phía người học, dữ liệu này làm rõ thêm gánh nặng nghề nghiệp và hiện tượng hình thức hóa AI - một khía cạnh còn ít được phân tích sâu trong các công trình trước đây.

## V. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy AI tạo sinh đã nhanh chóng trở thành một phần quan trọng trong môi trường giáo dục Việt Nam. Tuy nhiên, việc triển khai công nghệ này đang diễn ra với tốc độ nhanh hơn khả năng thích ứng của các chủ thể giáo dục, dẫn đến tình trạng lạm dụng, hình thức hóa, gia tăng áp lực nghề nghiệp đối với giáo viên và nguy cơ phụ thuộc công nghệ ở người học. Hiện tượng “AI hóa” giáo dục, tức coi AI là mục tiêu thay vì công cụ phục vụ mục tiêu sư phạm, đang làm lệch hướng hoạt động dạy học và đặt ra thách thức về chất lượng đào tạo.

Từ các phát hiện trên, nghiên cứu đề xuất xây dựng chính sách sử dụng và

quản trị AI trong giáo dục theo hướng có trách nhiệm, phù hợp với từng cấp học. Chính sách cần chuyển trọng tâm từ tần suất sử dụng AI sang hiệu quả và mục đích sư phạm, đồng thời bảo đảm cơ chế hỗ trợ đào tạo, nguồn lực và thời gian cho giáo viên. Bên cạnh đó, cần ban hành khung hướng dẫn sử dụng AI trong dạy học và kiểm tra, đánh giá, chú trọng tính minh bạch, trung thực học thuật, bảo vệ dữ liệu và phát triển năng lực số của người học. thực trong kiểm tra, đánh giá.

Nghiên cứu có một số hạn chế do sử dụng phương pháp định tính với quy mô mẫu tương đối nhỏ và tập trung vào dữ liệu tự thuật của người tham gia. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô khảo sát, kết hợp phương pháp định lượng và so sánh giữa các cấp học hoặc nhóm ngành đào tạo nhằm đánh giá toàn diện hơn tác động của AI đối với hệ thống giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số.

## Tài liệu tham khảo

- Abulibdeh, A., Zaidan, E., & Abulibdeh, R. (2024). Navigating the confluence of artificial intelligence and education for sustainable development in the era of Industry 4.0: Challenges, opportunities, and ethical dimensions. *Journal of Cleaner Production*, 437, 140527. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2023.140527>
- Ahmad, S. F., Alam, M. M., Rahmat, M. K., Mubarik, M. S., & Hyder, S. I. (2022). Academic and administrative role of artificial intelligence in education. *Sustainability*, 14(3), 1101. <https://doi.org/10.3390/su14031101>
- Black, P., & Wiliam, D. (1998). Assessment and classroom learning. *Assessment in Education: Principles, Policy & Practice*, 5(1), 7-74. <https://doi.org/10.1080/0969595980050102>

- Đặng, H. Đ., & Bùi, T. N. (2025). AI và liên chính học thuật trong giáo dục đại học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, (6A), 38-48. <https://doi.org/10.59266/houjs.2025.662>
- Davis, F. D., Granić, A., & Marangunić, N. (2024). *The technology acceptance model: 30 years of TAM*. Springer. <https://doi.org/10.1007/978-3-030-45274-2>
- Gutiérrez-Leefmans, M., Picazo-Vela, S., & Kareem, O. (2026). Adoption of artificial intelligence in higher education: A diffusion of innovation approach. *The TQM Journal*, 38(3), 633-654. <https://doi.org/10.1108/TQM-12-2024-0523>
- Kamalov, F., Santandreu Calonge, D., & Gurrib, I. (2023). New era of artificial intelligence in education: Towards a sustainable multifaceted revolution. *Sustainability*, 15(16), 12451. <https://doi.org/10.3390/su151612451>
- Kong, S. C., Yang, Y., & Hou, C. (2024). Examining teachers' behavioural intention of using generative artificial intelligence tools for teaching and learning based on the extended technology acceptance model. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 7, 100328. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100328>
- Lê, P. T., Lê, T. Á. T., Lê, T. V., & Phan, T. A. (2026). Tính hiệu quả của ChatGPT trong cải thiện kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên: Một nghiên cứu bán thực nghiệm tại một trường đại học ở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 17A, 201-209. <https://doi.org/10.59266/houjs.2026.1364>
- Li, S., & Gu, X. (2023). A risk framework for human-centered artificial intelligence in education: Based on literature review and Delphi-AHP method. *Educational Technology & Society*, 26(1), 187-202. [https://doi.org/10.30191/ets.202301\\_26\(1\).0014](https://doi.org/10.30191/ets.202301_26(1).0014)
- Mao, J., Chen, B., & Liu, J. C. (2023). Generative artificial intelligence in education and its implications for assessment. *TechTrends*, 68(1), 58-66. <https://doi.org/10.1007/s11528-023-00911-4>
- McGrath, C., Pargman, T. C., Juth, N., & Palmgren, P. J. (2023). University teachers' perceptions of responsibility and artificial intelligence in higher education-An experimental philosophical study. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 4, 100139. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2023.100139>
- Mueller, J. (2005). The authentic assessment toolbox: Enhancing student learning through online faculty development. *Journal of Online Learning and Teaching*, 1(1), 1-7. <https://www.museum-ed.org/wp-content/uploads/2015/04/Mueller-Authentic-Assessment-Toolbox.pdf>
- Rogers, E. M. (2019). Diffusion of innovations. *An Integrated Approach to Communication Theory and Research*. <https://doi.org/10.4324/9780203710753-35>
- Revesai, Z. (2025). Generative AI dependency: The emerging academic crisis and its impact on student performance-A case study of a university in Zimbabwe. *Cogent Education*, 12(1), 2549787. <https://doi.org/10.1080/2331186X.2025.2549787>
- Scriven, M. (1967). The methodology of evaluation. In R. W. Tyler, R. M. Gagné, & M. Scriven (Eds.), *Perspectives of curriculum evaluation* (pp. 39-83). Rand McNally. <https://www.jstor.org/stable/1476552>
- Uzumcu, O., & Acilmis, H. (2024). Do innovative teachers use AI-powered tools more interactively? A study in the context of diffusion of innovation theory. *Technology, Knowledge and Learning*, 29(2), 1109-1128. <https://doi.org/10.1007/s10758-023-09687-1>

- Wiggins, G. (1990). The case for authentic assessment. *Practical Assessment, Research, and Evaluation*, 2(2), Article 2, 1-3. <https://doi.org/10.7275/fb1-mm19>
- Xue, L., Mahat, J., & Ghazali, N. (2026). Technology acceptance model in artificial intelligence in education: A meta-analysis. *SAGE Open*, 16(1). <https://doi.org/10.1177/21582440251409441>
- Zhang, L., & Deng, Y. (2026). Stressed minds, smart tools: How academic expectation stress fuels generative AI dependency in Chinese higher education. *The Internet and Higher Education*, 71, 101094. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2026.101094>
- Zhu, H., Sun, Y., & Yang, J. (2025). Towards responsible artificial intelligence in education: A systematic review on identifying and mitigating ethical risks. *Humanities and Social Sciences Communications*, 12, 1111. <https://doi.org/10.1057/s41599-025-05252-6>

## THE IMPACT OF GENERATIVE AI ON TEACHING, LEARNING, AND ASSESSMENT: A QUALITATIVE STUDY OF LEARNERS' AND EDUCATORS' PERSPECTIVES

Nguyen Phuc Quan<sup>1</sup>, Dang Thi Thanh Xuan<sup>1</sup>

**Abstract:** *The rapid development of generative AI is profoundly transforming teaching, learning, and assessment in education. This qualitative study explores the perceptions and experiences of learners and educators through semi-structured interviews with 27 participants. The findings reveal that while generative AI has been widely adopted across educational levels, users' understanding of the technology remains limited, leading to overuse and formalistic implementation. The study highlights tensions between expectations and actual pedagogical effectiveness, increased professional pressure on teachers, growing technological dependency among learners, and the emergence of "AI-ization" in education. These results underscore the need to shift from merely popularizing AI tools to developing responsible AI competencies, while restructuring teaching and assessment practices toward competency-based, process-oriented, and authentic approaches.*

**Keywords:** *Generative Artificial Intelligence (Generative AI), education, assessment, learners, educators, digital transformation*

---

<sup>1</sup> Dong A University, Danang, Vietnam